TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ GIANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/8/2023
V/v xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Thế Chiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Thân

Ông Hứa Văn Chế

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Minh Khuê - Thư ký viên TAND thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2023 về việc *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh H

- *Bị đơn:* Anh Phan Thanh T2, vắng mặt (có đơn xin xét xử văng mặt).

Địa chỉ: Tổ x, phường N, thành phố H, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 16/5/2023; bản tự khai đề ngày 29/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:*

Chị và anh Phan Thanh T2 tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn từ khi chị mang thai cháu thứ 2 nguyên nhân do anh T2 thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị. Đến tháng 10/2019 do công việc làm ăn không được thuận lợi nên anh T2 bỏ nhà đi làm ăn xa ở nhiều địa phương, không cho chị biết địa chỉ anh T2 ở đâu. Anh T2 đi làm ăn xa nhưng không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, anh T2 không phụ giúp chị nuôi dưỡng, chăm sóc con cái, không quan T đến vợ con, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn không hàn gắn được. Đến nay hai vợ

chồng không còn liên lạc với nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Phan Thanh T2.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phan Thanh T, sinh ngày 12/7/2017 và Phan Tấn P, sinh ngày 06/01/2020. Từ khi anh T2 đi làm ăn xa thì các con còn rất nhỏ nhưng anh T2 cũng không quan T, không chăm sóc con. Nên khi ly hôn chị có nguyện vọng chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu Phan Thanh T và Phan Tấn P cho đến khi các cháu trưởng thành, không đề nghị anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã ra Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Phan Thanh T2 đến Tòa án để viết bản tự khai và lấy lời khai theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn đều không có mặt.

Ngày 10/7/2023 Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang đã nhận được bản tự khai của anh Phan Thanh T2 gửi đến qua bưu điện với nội dung là: Về quan hệ hôn nhân; Anh nhất trí ly hôn với chị T theo yêu cầu ly hôn của chị T: Về con chung; Anh xác nhận là vợ chồng có 02 con chung là Phan Thanh T, sinh ngày 12/7/2017 và Phan Tấn P, sinh ngày 06/01/2020, khi ly hôn anh nuôi cháu Phan Thanh T và chị T nuôi cháu Phan Tấn P, mức cấp dưỡng tự thỏa thuận; về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận.

Toà án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh Phan Thanh T2. Tổ trưởng dân phố xác nhận anh Phan Thanh T2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 7, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang. Hiện tại anh Phan Thanh T2 không có mặt ở địa phương, tổ dân phố chỉ nắm được là anh T2 đi làm ăn xa, anh T2 cứ về được 1- 2 ngày là lại đi đến 3 - 4 tháng sau mới về, còn cụ thể anh T2 đi làm ăn ở đâu thì anh T2 không thông báo cho tổ được biết nên tổ không nắm được. Do anh Phan Thanh T2 không thường xuyên có mặt ở nhà, không tham gia sinh hoạt gì với tổ dân phố nên tình trạng hôn nhân của anh chị như thế nào tổ không nắm được cụ thể, chỉ biết hai vợ chồng hiện nay không ở cùng nhau nữa, hai con của anh T2 hiện đang sinh sống cùng chị Phan Thị T tại huyện Y, tỉnh H.

Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Toà án không tổ chức hoà giải vụ án được.

Tại phiên tòa chị Phan Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Thanh T2. Về con chung: Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Tấn Phát - sinh ngày 06/01/2020; do cháu Phan Thanh T - sinh ngày 12/7/2017 năm nay vào học lớp 1 đã chuyển học đến tại phường N, thành phố H và để bảo đảm được điều kiện học hành của cháu Toàn nên chị đồng ý để anh Phan Thanh T2 được quyền nuôi cháu T. Về cấp dưỡng, chị không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên toà bị đơn vắng mặt có lý do. Theo đơn xin xét xử vắng mặt của anh Phan Thanh T2. Anh T2 vẫn giữ nguyên quan điểm là nhất trí ly hôn với chị T. Về con chung anh T2 có nguyện vọng là được nuôi cháu Phan Thanh T và chị T nuôi cháu Phan Tấn P, cấp dưỡng tự thỏa thuận. Về tài sản chung, công nợ chung tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

** Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Hà Giang:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứ cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Phan Thanh T2; Về con chung: Giao cháu Phan Tấn Phát, sinh ngày 06/01/2020 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phan Thanh Toàn, sinh ngày 12/7/2017 cho anh Phan Thanh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét; về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Phan Thị T về việc xin ly hôn anh Phan Thanh T2, bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường N, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, do đó Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Anh Phan Thanh T2 hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho nguyên đơn biết được coi là cố tình che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã

niêm yết các văn bản của Toà án theo thủ tục tố tụng, đồng thời anh Phan Thanh T2 đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Phan Thanh T2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Phan Thanh T2 xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc, năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh T2 đi làm ăn xa, không phụ giúp chị T chăm sóc con cái, không có trách nhiệm với gia đình, hai vợ chồng cũng không còn liên lạc, quan T, hỏi han nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"; "2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác…".* Xét thấy, anh Phan Thanh T2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của người chồng, không đóng góp kinh tế nuôi dạy con cái, không quan T, chia sẻ với vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2. HĐXX xét thấy cần chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn với anh T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh T2 có 02 con chung là Phan Thanh Toàn, sinh ngày 12/7/2017 và Phan Tấn Phát, sinh ngày 06/01/2020. Tại phiên tòa, chị T thay đổi yêu cầu về người trực tiếp nuôi con, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Tấn P - sinh ngày 06/01/2020; do cháu Phan Thanh T - sinh ngày 12/7/2017 năm nay vào học lớp 1 đã chuyển học đến tại phường N, thành phố H nên chị đồng ý để anh Phan Thanh T2 được quyền nuôi cháu Toàn để bảo đảm việc học của cháu. HĐXX xét thấy việc thay đổi nguyện vọng người trực tiếp nuôi con phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và đảm bảo được quyền lợi tốt nhất cho cháu nên cần chấp nhận. Các bên được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

[6] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T về việc xin ly hôn, nuôi con chung.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Phan Thanh T2.

3. Về con chung: Anh Phan Thanh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thanh T, sinh ngày 12/7/2017; chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Tấn P, sinh ngày 06/01/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000986, ngày 27/6/2023.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phan Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Phan Thanh T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- UBND P Ngọc Hà, TP Hà Giang;
- Lưu HS - BP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nông Thế Chiến